

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2018.

V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh.

2. Ông Vũ Việt Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987

ĐKHKT: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1985

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**) Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2018, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 06/12/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình khó khăn, anh C mãi chơi không chí thú làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con, đã nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi mà còn đánh chị. Đến tháng 9/2017, mâu thuẫn vợ chồng trở lên đỉnh điểm, không thể tiếp tục chung sống với anh C được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống cho đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thành C.

Về nuôi con chung: Chị và anh C có hai con chung là Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 07/11/2007 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 18/02/2013, hiện nay hai con đang ở cùng anh C. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Đ, anh C trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc P, không ai phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty MXP3, khu công nghiệp N, thành phố T, thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 4.500.000 đồng, chị đang ở nhà cùng bố mẹ đẻ, bố mẹ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc nuôi dạy và chăm sóc con, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Về tài sản chung: Chị và anh C không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

**) Bị đơn: Anh Nguyễn Thành C trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 06/12/2006. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng sống đoàn tụ, chưa xảy ra mâu thuẫn gì giữa vợ chồng và gia đình hai bên. Chị T là người ngoan ngoãn, yêu thương chồng con, chịu khó làm ăn, chăm sóc gia đình. Bản thân anh cũng rất thương vợ con, tập trung chăm sóc gia đình. Chỉ có vài lần vì say rượu nên có chửi bới, quát mắng nhưng không đến mức nghiêm trọng. Ngày 20/8/2017, vợ chồng có xảy ra xô xát, lời ra tiếng vào nhưng cũng không đến mức nghiêm trọng, chị T đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, để lại hai con cho anh nuôi, chị T cũng chưa một lần về thăm con. Đã nhiều lần anh đưa hai con đến tìm đón chị T về nhưng chị T đã từ chối và cùng gia đình đuổi anh và các con về. Nay chị Tt xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Anh và chị T chưa có sự thống nhất về việc nuôi con.

Anh C không trình bày về tài sản chung và công nợ.

*) Bà Trịnh Thị O – Trưởng thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp:

Về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thành C như chị T đã trình bày là đúng. Từ khi chị T về nhà bố mẹ sinh sống đến nay bản thân bà và gia đình anh C đã đến gặp chị T và gia đình để khuyên bảo, hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T và anh C vẫn mỗi người sống một nơi. Đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, còn có đoàn tụ được hay không là do hai người quyết định.

Chị T và anh C có hai con chung là Nguyễn Ngọc P và Nguyễn Ngọc Đ hiện đang ở cùng anh C. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc Đ và anh C trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc P, không ai phải cấp dưỡng cho con là hợp lý. Anh C hiện là lao động tự do (thợ xây), thu nhập không ổn định. Tài sản của chị T và anh C như chị T đã trình bày là đúng.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Chung có thái độ không tôn trọng, không chấp hành pháp luật.

- Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 147; 203; 227; 228; 235; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thành C.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 18/02/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 27/11/2007 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Do anh C chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn là chị Phạm Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Thành C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thành C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình khó khăn, anh C mãi chơi, không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, anh C có đánh chị T làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến tháng 9/2017 mâu thuẫn vợ chồng trở lên đỉnh điểm, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù anh C và gia đình có đến tìm nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên dứt khoát không về. Anh C cho rằng những mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng lại vắng mặt tại phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh C không thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh C ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thành C là đúng pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh C có hai con chung là Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 07/11/2007 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 18/02/2013, hiện nay hai con đang ở cùng anh C. Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Đ, anh C trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc P, không ai phải cấp dưỡng cho con. Chị T trình bày điều kiện để nuôi con, anh C không trình bày quan điểm về con chung. Xét đề nghị của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con của chị T là chính đáng, chị T có đủ điều kiện về thu nhập, chỗ ở để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, bố mẹ đẻ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc chăm sóc, do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử giao con Nguyễn Ngọc Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Ngọc P cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con.

[4] Về tài sản: Do anh C chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: điều 147; 203; 227; 228; 235; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thành C.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 18/02/2013 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 07/11/2007 cho anh Nguyễn Thành C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng cho con.

Chị T và anh C có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0006864 ngày 15/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND xã P, TP.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái